

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 2298 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 02298.25****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTKSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 16/10/2025

Ngày trả kết quả : 28/10/2025

Địa điểm lấy mẫu : TM1 - Bể chứa nhà máy

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**
Nguyễn Phi LongĐồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2025**Trần Minh Hòa**



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02298.25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	20,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	20/10/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
6	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,68 mg/l	≤ 2 NTU	16/10/2025
7	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	20/10/2025
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00006 mg/l	≤ 0,01mg/l	21/10/2025
9	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,63 mg/l	≤ 2mg/l	17/10/2025
10	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	21/10/2025
11	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,3mg/l	21/10/2025
12	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ Tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,01 mg/l	≤ 1 mg/l	20/10/2025
13	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,51 mg/l	≤ 11 mg/l	20/10/2025
14	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	17/10/2025
15	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	21/10/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 2199 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 02299.25****Trang : 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTKSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 16/10/2025

Ngày trả kết quả : 28/10/2025

Địa điểm lấy mẫu : TM2 - Số 24, đường Đinh Tiên Hoàng, Kp Thác Mơ 3, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**
Nguyễn Phi LongĐồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2025**Trần Minh Khoa**



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02299/25

Trang : 2/2

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	16,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	20/10/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
6	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,64 mg/l	≤ 2 NTU	16/10/2025
7	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	20/10/2025
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00006 mg/l	≤ 0,01mg/l	21/10/2025
9	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,47 mg/l	≤ 2mg/l	17/10/2025
10	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,1mg/l	21/10/2025
11	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	21/10/2025
12	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 1 mg/l	20/10/2025
13	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,42 mg/l	≤ 11 mg/l	20/10/2025
14	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	17/10/2025
15	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	0,00026 mg/l	≤ 0,01 mg/l	21/10/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

**SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 2300 /KQ-KSBT**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM****Mã số mẫu: 02300.25****Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo Kế hoạch số 19/KH-KSBT ngày 31/7/2025 của TTKSBT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ : Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+500ml

Ngày nhận mẫu : 16/10/2025

Ngày trả kết quả : 28/10/2025

Địa điểm lấy mẫu : TM3 - Hộ nhà ông Lê Văn Tâm, Kp Phước An, phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai

Người lấy mẫu : Khoa SKMT-YTTH - Trung Tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín, bảo quản lạnh.

**KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA**
Nguyễn Phi LongĐồng Nai, ngày 24 tháng 10 năm 2025**Trần Minh Hòa**



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 02300-25	Trang: 2/2
---------------------	------------

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213B (PP lọc màng)	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
2	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 6187-1: 2019	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
4	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2023	18,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	20/10/2025
5	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1: 2009 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	17/10/2025
6	Độ đục	Turbidity AL450T-IR	0,63 mg/l	≤ 2 NTU	16/10/2025
7	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	20/10/2025
8	Arsenic (As)	SMEWW 3125 B: 2023	0,00009 mg/l	≤ 0,01mg/l	21/10/2025
9	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,63 mg/l	≤ 2mg/l	17/10/2025
10	Mangan *(Mn)	SMEWW 3111B:2023	0,01 mg/l	≤ 0,1mg/l	21/10/2025
11	Sắt *(Ferrum)(Fe)	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	21/10/2025
12	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179:1996	0,02 mg/l	≤ 1 mg/l	20/10/2025
13	Nitrat *(NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	0,48 mg/l	≤ 11 mg/l	20/10/2025
14	Nitrit *(NO ₂ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500 NO ₂ ⁻ B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	17/10/2025
15	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW3125B:2023	0,00038 mg/l	≤ 0,01 mg/l	21/10/2025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.